

Phạm trần, ngày 04 tháng 09 năm 2024

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025
MẪU GIÁO NHỞ 4-5 TUỔI
TRƯỜNG MN PHẠM TRẦN

STT	Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung – Hoạt động giáo dục
I. Giáo dục phát triển thể chất			
a) Phát triển vận động			
1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp			
1	MT1	1. Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	Hoạt động khác: Thực hiện các động tác hô hấp, tay-vai, lưng bụng lườn, chân-bật trong giờ thể dục sáng và các động tác tay-vai, lưng bụng lườn, chân-bật trong bài tập phát triển chung giờ hoạt động phát triển thể chất.
2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động			
2	MT2	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:	Hoạt động học: - Thực hiện vận động đi kiễ gót, đi bằng gót chân. - Đi khụy gối.
3	MT3	Kiểm soát được vận động	
4	MT4	<i>Phối hợp tay – mắt trong vận động:</i>	

5	MT5	<p>Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m. - Đi trên ghế thể dục. - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát. - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước dồn trước - Đi bước dồn ngang - Nhảy lò cò - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Đi thay đổi hướng (Dích dắc) theo vật chuẩn. - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi hướng theo vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt dích dắc). - Bật liên tục về phía trước - Bật tách chân, chụm chân qua 5 ô.. - Bật liên tiếp qua các vạch kẻ - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m - Bò trong đường dích dắc (5 điểm) - Bò chui qua ống Tung bóng lên cao và bắt bóng bằng 2 tay Tung bắt bóng với người đối diện Đạp bóng xuống sàn và bắt bóng khi nóng nảy lên - Chuyển bắt bóng qua đầu Ném xa bằng một tay. - Ném trúng đích thẳng đứng. Chuyển bắt bóng qua chân
---	-----	---	---

			<p>Ném xa bằng 2 tay</p> <p>Ném trúng đích thẳng đứng bằng 1 tay</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trèo lên xuống 5 gióng thang - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây. - Bật xa 35-40cm, ném trúng đích nằm ngang. - Bật sâu 30-35cm, ném xa bằng 1 tay - Đập và bắt bóng tại chỗ - Chạy chậm khoảng 60-80m - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát, chuyền bóng (Qua đầu, chân).
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt			
6	MT6	3.1. Thực hiện được các vận động:	Hoạt động học:
7	MT7	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: -	<ul style="list-style-type: none"> - Tư cài, cởi cúc, buộc dây giày. <p>Hoạt động khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay. <p>Cắt thành thạo theo đường thẳng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng, lắp ráp với 10-12 khối - Biết tết sợi đôi <p>Chơi với cát, sỏi, các nguyên liệu thiên nhiên...</p>
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe			
8	MT8	1.1. Biết một số thực phẩm cùng nhóm:	Hoạt động khác:

		1.2. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	<ul style="list-style-type: none"> - Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt, cá.... - Thực phẩm giàu chất béo: Vừng, lạc, - Thực phẩm giàu chất bột đường: Gạo, ngô, khoai... - Thực phẩm có nhiều vitamin: Rau, quả chín....
9	MT9	1.3. Biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	<p>Hoạt động khác:</p> <p>Nói được tên một số món ăn ở trường và ở nhà.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn: Rau có thể luộc; Thịt có thể luộc, kho; gạo nấu cơm , cháo... - Trẻ biết lợi ích của ăn uống đủ lượng đủ chất đối với cơ thể. - Nhận ra những đồ ăn uống có lợi cho sức khỏe, ăn chỉ uống sôi. - Nhận ra những thức ăn, uống không có lợi cho sức khỏe: nước uống có ga, nước ngọt, thức ăn sống chưa được sơ chế đảm bảo vệ sinh. - Ích lợi của ăn uống đủ lượng đủ chất đối với cơ thể. - Nhận ra những thức ăn , nước uống có lợi cho sức khỏe: Ăn chín, uống nước đun sôi... - Nhận ra những thức ăn, nước uống không có lợi cho sức khỏe: Uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn thức ăn chưa chín
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt			
10	MT10	2.1. Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: -	<p>Hoạt động khác:</p> <p>Tự cất và lấy đồ dùng cá nhân của trẻ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.
11	MT11	2.2. Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	<ul style="list-style-type: none"> - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. - Giữ gìn đầu tóc, quần áo gọn gàng: chỉnh quần khi bị lệch, chải tóc khi ngủ dậy

			Tự cầm thìa, bát xúc cơm gọn gàng không rơi vãi đồ thức ăn
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe			
12	MT12	3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống:	Hoạt động khác: Mời cô, mời bạn khi ăn. - Ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau..... - Không ăn quả xanh, không uống nước lã....
13	MT13	3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:	Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Vệ sinh răng miệng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định. - Đội mũ khi ra nắng, mưa, mặc quần áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi giày, dép khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh			
14	MT14	4.1. Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.	Hoạt động học: - Biết và không chơi gần các vận dụng nguy hiểm tới tính mạng: Bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng, dao, kéo..... là những vận dụng nguy hiểm.
15	MT15	4.2. Nhận ra những nơi như: hồ, ao, nương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	Hoạt động khác: Biết và không chơi các nơi nguy hiểm, mất vệ sinh như: ao, hồ, giếng nước, bụi rậm....
16	MT16	4.3. Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở:	

17	MT17	<i>Không đi theo và nhận quà người lạ, không tự ý ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo:</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ....không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.
18	MT18	4.4. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ:	<p>Trẻ nhận ra người lạ, không đi theo người lạ, không cho người lạ bế ẵm, không nhận quà người lạ cho.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ không tự ý ra khỏi nhà nhà, khỏi trường lớp khi không được sự cho phép của người lớn và cô giáo <p>Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: Cháy, có người rơi xuống nước, ngã, chảy máu..</p> <p>Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.</p>
II. Giáo dục phát triển nhận thức			
a) Khám phá khoa học			
1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng			
19	MT19	<i>Gọi tên nhóm con vật, cây cối theo đặc điểm chung;</i>	<p>Hoạt động học:</p> <p>Gọi tên con vật gần gũi, nói được đặc điểm của con vật.</p> <p>Nhận ra trình tự phát triển của cây, hiện tượng tự nhiên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra trình tự phát triển của con vật. - Đặt câu hỏi tại sao, làm thế nào, để làm gì... về sự vật hiện tượng xung quanh <p>Trẻ có thể phối hợp các giác quan như nghe nhìn, sờ, ngửi, nếm....để tìm hiểu xem xét, thảo luận về các sự vật hiện, tượng.</p>
20	MT20	1.1. Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn?...	
21	MT21	<i>Trẻ thích tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh</i>	

22	MT22	1.2. Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	Tên gọi, một số đặc điểm đặc trưng của các mùa. - So sánh sự khác nhau mùa hè với mùa đông. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.
23	MT23	1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	Phân loại cây, quả, con vật, đồ dùng, đồ chơi, một số phương tiện giao thông theo 1-2 dấu hiệu (Hình dáng, công dụng, màu sắc..)
24	MT24	<i>Trẻ nói được đặc điểm của các mùa trong năm nơi trẻ sống</i>	Hoạt động khác: Gọi tên các loại cây cối gần gũi xung quanh, nói được đặc điểm của cây
25	MT25	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	Tham gia xem xét, khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh. Đạo chơi vườn trường, quan sát bầu trời, quan sát và thảo luận thời tiết...
26	MT26	1.5. Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	Pha màu nước - Pha đường/muối vào nước - vật nổi/chìm vào nước Pha nước cam - Làm thí nghiệm với những quả bóng bay - Gieo hạt/trồng cây theo dõi sự phát triển của cây. Dự đoán hiện tượng sắp xảy ra (Mưa, gió, sấm, chớp..) - Xem sách, tranh ảnh, video, mô hình...về đối tượng từ đó trò chuyện và nhận xét về đối tượng đó.
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản			
27	MT27	2.1. Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.	Hoạt động học: Tạo ra những sản phẩm theo cách riêng của bản thân.

28	MT28	2.2. Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.	<p>Hoạt động khác:</p> <p>Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.</p> <p>Nhận ra một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm với cách sử dụng của sự vật, hiện tượng gần gũi như: cho thêm đường/muối nên nước ngọt/mặn;</p> <p>Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản như làm cho vấn đề phức tạp hơn để ô tô chạy nhanh hơn.</p>
3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau			
29	MT29	3.1. Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	<p>Hoạt động học:</p> <p>Đặc điểm, cách sử dụng đồ dùng đồ chơi trong trường mầm non.</p> <p>- So sánh sự giống và khác nhau của đồ dùng đồ chơi và sự đa dạng của chúng.</p>
30	MT30	3.2. Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	<p>So sánh sự giống nhau và khác nhau của một số cây, hoa, quả.</p> <p>So sánh sự giống nhau và khác nhau của một số con vật.</p> <p>Sự khác nhau giữa ngày và đêm.</p> <p>So sánh sự giống và khác nhau của một số phương tiện giao thông.</p> <p>So sánh sự giống và khác nhau của một số dụng cụ, sản phẩm nghề.</p> <p>Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.</p> <p>- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật, cây.</p> <p>Đặc điểm, chất liệu của một số đồ dùng trong gia đình, cá nhân</p> <p>- Đặc điểm về cấu tạo, nơi hoạt động,</p>

			<p>người điều khiển các phương tiện giao, một số quy định khi tham gia giao thông</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm về cấu tạo, tiếng kêu, thức ăn, vận động, nơi sống, lợi ích, tác hại của một số con vật. - Đặc điểm về cấu tạo, hình dáng, hương vị...của một số loại cây, hoa, quả. - Chăm sóc bảo vệ con vật, cây. - Một số đặc điểm tính chất của nước. - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, sỏi... - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. <p>Hoạt động khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề gia đình, trường học, bác sĩ, -Có những vận động nhin họa múa hát, xây dựng công trình.....sáng tạo theo ý tưởng riêng của bản thân.
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
1. Nhận biết số đếm, số lượng			
31	MT31	1.1. Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...	<p>Hoạt động học:</p> <p>Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.</p>

32	MT32	1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	<p>So sánh số lượng của 1-2 nhóm đồ dùng, đồ chơi.....bằng cách như xếp theo hàng ngang, dọc sử dụng các giác quan (tay, mắt...) để nói được các từ bằng nhau; nhiều hơn; ít hơn.</p> <p>Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ: Ví dụ: tách 3 hạt na thành 2 nhóm <p>Đếm và nói đúng số lượng của nhóm đồ vật từ 1-5</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc được các chữ số từ 1-5 - Chọn thẻ chữ số tương ứng với số lượng đã được đếm. <p>Hoạt động khác:</p> <p>Quan tâm, hỏi về số lượng trong các hoạt động hàng ngày.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng như: Số điện thoại của bố mẹ, biển số xe, tên lớp...
33	MT33	1.3. So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	
34	MT34	1.4. Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	
35	MT35	1.5. Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	
36	MT36	1.6. Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	
37	MT37	1.7. Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	
2. Sắp xếp theo qui tắc			
38	MT38	2. Nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	<p>Hoạt động học:</p> <p>So sánh phát hiện ra quy tắc sắp xếp của 3 đối tượng (Chiều dài, rộng) sử dụng được từ Cao nhất, thấp hơn, thấp nhất; Rộng nhất, rộng hơn, hẹp nhất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sao chép lại cách sắp xếp 1:1:1
3. So sánh hai đối tượng			
39	MT39	3. Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	<p>Hoạt động học:</p> <p>Đo độ dài đồ vật bằng một đơn vị đo nói kết quả đo và so sánh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đo dung tích bằng một đơn vị đo nói kết quả và so sánh.
4. Nhận biết hình dạng			

40	MT40	4.1. Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật, ...).	Hoạt động học: - Phân biệt hình tròn với hình tam giác - Phân biệt hình vuông với hình chữ nhật - Phân biệt hình tròn với hình tam giác, vuông, chữ nhật.
41	MT41	4.2. Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	Hoạt động khác: Ghép các mảnh thành nhiều hình khác nhau, gọi tên hình.
5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian			
42	MT42	5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	Hoạt động học: Xác định phía phải, phía trái của bản thân. - Xác định phía trước/sau, phía trên/dưới của bản thân.
43	MT43	5.2. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	Xác định phía phải, phía trái của bạn khác - Xác định phía trước/sau, phía trên/dưới của bạn khác - Nhận biết các buổi sáng, trưa, chiều, tối.
c) Khám phá xã hội			
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng			
44	MT44	1.6. Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động khác: - Họ tên, tuổi, giới tính, sở thích của bản thân Họ tên của các thành viên trong gia đình.
45	MT45	1.2. Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình. - Sở thích của các thành viên trong gia đình. - Nhu cầu của gia đình.
46	MT46	1.3. Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	- Xem tranh, ảnh ... về bản thân và gia đình. Địa chỉ của gia đình (Thôn, xã, huyện, tỉnh).

47	MT47	1.4. Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Tên lớp, tên trường mầm non của trẻ học. Tên các cô giáo, các bác công nhân viên trong trường.
48	MT48	1.5. Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- công việc của các cô giáo, các bác công nhân viên trong trường. - Làm album ảnh về hoạt động của cô và trẻ ở trường, lớp, gia đình...
49	MT49	1.6. Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên của các bạn trong lớp. - Đặc điểm, sở thích nổi bật của các bạn trong lớp.
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương			
50	MT50	2. Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động khác: - - Làm quen bài thơ, câu truyện về các nghề Gọi tên một số nghề nơi trẻ sống: nông nghiệp; may; xây dựng. Công việc, dụng cụ lao động và sản phẩm của các nghề đó. - Tham quan, quan sát, trò chuyện... công việc của người làm nghề. - Làm sách tranh về các nghề.
3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh			
51	MT51	3.1. Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	Hoạt động khác:

52	MT52	3.2. Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước. - Xem tranh ảnh, băng hình về Bác Hồ, về các vị anh hùng, các danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước, Bác Hồ - Nói một số đặc điểm nổi bật của ngày lễ hội như: Ngày Quốc Khánh (2/9) phải treo cờ tổ quốc..... - Tham gia các ngày lễ hội tại trường như: Tết trung thu; ngày sinh nhật Bác Hồ... - Suu tập làm sách về quê hương, đất nước, Bác Hồ. <p>Thăm quan nghĩa trang liệt sĩ, bia chiến thắng, chùa dâu, chùa rồng của địa phương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem băng hình một số lễ hội của huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương như: Lễ hội Đền Quát, Côn sơn kiếp bạc, Đảo cò...
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ			
1. Nghe hiểu lời nói			
53	MT53	1.1. Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp,	<p>Hoạt động học:</p> <p>Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu các từ khái quát: + Các từ khái quát về rau + Các từ khái quát về quả + Các từ khái quát về con vật + Các từ khái quát về đồ dùng, đồ chơi <ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. <p>Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe các bài hát, bài thơ, câu đố phù hợp với độ tuổi.
54	MT54	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	
55	MT55	<i>Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, ca dao, đồng dao giành cho lứa tuổi của trẻ</i>	
56	MT56	1.3. Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	

			<p>- Nghe các bài ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè phù hợp với độ tuổi.</p> <p>Hoạt động khác:</p> <p>- Hiểu và làm theo 2-3 yêu cầu liên tiếp.</p> <p>Ví dụ: Cháu lấy cho cô bông hoa màu vàng và gắn lên áo của bạn búp bê</p> <p>- Lắng nghe người khác nói</p> <p>- Nghe và sử dụng lời nói để trao đổi.</p>
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày			
57	MT57	2.1. Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	<p>Hoạt động học:</p> <p>Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.</p> <p>- Nhận xét sản phẩm tạo hình của mình, của bạn.</p> <p>Đặt tên cho truyện được nghe.</p> <p>- Kể lại truyện đã được nghe</p> <p>Đọc thuộc và biểu cảm các bài thơ, ca dao, đồng dao....</p> <p>Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.</p> <p>- Tập kể chuyện sáng tạo:</p> <p>+ Kể chuyện theo tranh</p> <p>+ Kể chuyện theo đồ chơi</p> <p>+ Kể chuyện theo kinh nghiệm</p> <p>Hoạt động khác:</p> <p>Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.</p>
58	MT58	2.2. Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...	
59	MT59	2.3. Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	
60	MT60	2.4. Kể lại sự việc theo trình tự.	
61	MT61	2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	
62	MT62	2.6. Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	
63	MT63	2.7. Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	
64	MT64	2.8. Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	
65	MT65	<i>Sử dụng lời nói để bày tỏ nhu cầu, cảm xúc, ý nghĩ... của bản thân.</i>	

66	MT66	2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét sản phẩm tạo hình của mình, của bạn. - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh được quan sát, trò chuyện. - Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm (con người, đồ vật, cây cối, hiện tượng tự nhiên, giao thông....) - Trẻ trò chuyện và diễn đạt ý thành câu <p>Sử dụng nhiều loại từ, loại câu khác nhau trong giao tiếp.</p> <ul style="list-style-type: none"> -Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi trong giao tiếp phù hợp <p>Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập kể chuyện sáng tạo: <ul style="list-style-type: none"> + Kể chuyện theo tranh + Kể chuyện theo đồ chơi + Kể chuyện theo kinh nghiệm <p>Trẻ đóng kịch hoặc trò chuyện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. - Giáo dục lễ giáo trong các hoạt động của cô và trẻ (Trò chuyện; hành vi văn minh trong giao tiếp;) - Không nói tục, chửi bậy - Bày tỏ hiểu biết, miêu tả sự việc bằng nhiều loại câu khác nhau. - bày tỏ tình cảm, nhu cầu của bản thân bằng lời nói, cử chỉ..... - Điều chỉnh cường độ giọng nói phù hợp. - Nói với giọng điệu và tốc độ thích hợp, cử chỉ, nét mặt phù hợp. - Điều chỉnh cường độ giọng nói phù hợp. - Nói với giọng điệu và tốc độ thích hợp, cử chỉ, nét mặt phù hợp.
3. Làm quen với đọc, viết			
67	MT67	3.1. Chọn sách để xem.	Hoạt động học:

68	MT68	3.2. Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	Cầm sách đúng chiều.
69	MT69	3.3. Cầm sách đúng chiều và giờ từng trang để xem tranh ảnh.	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt. + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.
70	MT70	3.4. Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,...	Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông cho người đi bộ, cấm lửa....)
71	MT71	3.5. Sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,...	Hoạt động khác: - Hứng thú tham gia các hoạt động kể chuyện, nghe đọc chuyện ở lớp. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách - Giữ gìn, bảo vệ sách. - Quan sát mô tả hành động của các nhân vật trong tranh. Dùng tranh ảnh, ký hiệu....để thay thế lời nói. - Làm sách tranh theo chủ đề, sự kiện.
IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội			
1. Thể hiện ý thức về bản thân			
72	MT72	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	Hoạt động khác: Giới thiệu về mình (Họ tên, tuổi, giới tính của bản thân và tên bố, mẹ.
73	MT73	1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Địa chỉ gia đình: Thôn, xã, Huyện, tỉnh Sở thích, khả năng của bản thân:
74	MT74	<i>Biết vâng lời, giúp đỡ cô giáo, bố mẹ những việc vừa sức</i>	+ Kể những việc có thể làm, không thể làm được.

			<p>+ Nói những sở thích của bản thân lao động vệ sinh Vâng lời người lớn. - Giúp đỡ cô giáo, bố mẹ những việc vừa sức như: Kê bàn ăn, cất đồ dùng đồ chơi, ...</p>
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực			
75	MT75	2.2. tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	<p>Hoạt động khác: Tự lấy đồ chơi theo ý thích. - Tự cất đồ chơi sau khi chơi. - Tham gia chơi cùng bạn - Nhận công việc được giao. - Hoàn thành công việc được giao (xếp đồ dùng, đồ chơi; xếp bàn, ghế..)</p>
76	MT76	2.1. Cố gắng hoàn thành công việc được giao	
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh			
77	MT77	3.1. Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	<p>Hoạt động học: Kính yêu Bác Hồ - Tham gia hoạt động tổ chức sinh nhật Bác Hồ 19/5 - Hát, đọc thơ thể hiện tình cảm kính yêu Bác Hồ. - Cùng cô kể chuyện về Bác Hồ Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. - Một số cảnh đẹp của Nhật Tân (Chùa Dâu; Nghĩa trang liệt sĩ, Cánh đồng làng..) - Một số cảnh đẹp của Hải Dương, Hà Nội, Nước Việt Nam.</p>
78	MT78	<i>Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên</i>	
79	MT79	<i>Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ</i>	
80	MT80	3.4. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	
81	MT81	3.5. Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	

			<p>- Đặc sản của Hải Dương.</p> <p>Hoạt động khác:</p> <p>Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh</p> <p>-Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn; xếp hình</p> <p>- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ</p> <p>Kính yêu Bác Hồ</p> <p>- Tham gia hoạt động tổ chức sinh nhật Bác Hồ 19/5</p> <p>- Hát, đọc thơ thể hiện tình cảm kính yêu Bác Hồ.</p> <p>- Cùng cô kể chuyện về Bác Hồ</p>
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội			
82	MT82	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình	<p>Hoạt động khác:</p> <p>- chơi hoạt động góc: Trẻ biết lấy cất đồ chơi đúng nơi qui định, biết xin lỗi cảm ơn....</p> <p>Một số qui định ở lớp, gia đình, nơi công cộng (Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ngủ, đi bên phải nê đường, bỏ rác đúng nơi qui định, vâng lời ông, bà, bố, mẹ, cô giáo và người lớn, muốn đi chơi phải xin phép...)</p> <p>- lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép trong sinh hoạt hàng ngày: Chào hỏi, xưng hô với người lớn; Cảm ơn khi được giúp đỡ; Xin lỗi khi mắc lỗi...</p> <p>Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình.</p> <p>lắng nghe ý kiến của người khác, Sử dụng lời nói, cử chỉ lễ phép.</p> <p>- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.</p>
83	MT83	4.2. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	
84	MT84	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	
85	MT85	4.4. Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	
86	MT86	4.5. Biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...).	

			<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết thực hiện theo yêu cầu, có sự kiên nhẫn chờ đợi thực hiện các hoạt động chơi, thể dục đúng cách và đúng luật chơi Chờ đến lượt, hợp tác: Xếp hàng; Không chen ngang; không xô đẩy người khác; không cắt ngang người khác để được nói..... - Phân biệt hành vi đúng-sai; tốt-sấu. - chơi trong nhóm bạn vui vẻ, thoải mái. - Chơi trong nhóm bạn vui vẻ, thoải mái. - Quan tâm và giúp đỡ bạn. - Vui vẻ trao đổi đồ chơi với bạn. - Sẵn sàng trao đổi, hướng dẫn bạn trong hoạt động của nhóm - Chấp hành sự phân công của người điều hành với thái độ sẵn sàng, vui vẻ
5. Quan tâm đến môi trường			
87	MT87	5.1. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	Hoạt động khác: <ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ chăm sóc con vật, cây cối. - Tập làm một số công việc như: Nhổ cỏ, bắt sâu, cho gà ăn.... Bỏ rác đúng nơi quy định. <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc nhở bạn không vứt rác bừa bãi nơi công cộng - Không bẻ cành, hái hoa - Không bẻ cành, hái hoa nơi công cộng Tiết kiệm nước <ul style="list-style-type: none"> - Tắt điện, quạt khi ra khỏi phòng - Khóa vòi nước sau khi dùng Không để thừa thức ăn.
88	MT88	5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.	
89	MT89	5.3. Không bẻ cành, bứt hoa.	
90	MT90	5.4. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	
V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ			

1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật		
91	MT91	1.1. Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.
92	MT92	1.2. Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện
93	MT93	1.3. Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình		
94	MT94	2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...
95	MT95	2.2. Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).
96	MT96	2.3. Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.
Hoạt động học: Biểu lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. - Nghe cảm nhận, hưởng ứng xúc cảm (Hát, vỗ tay, lắc lư, nhún nhảy trước các bài hát, bản nhạc, tác phẩm nghệ thuật). - Thể hiện thái độ tình cảm của bản thân khi nghe, đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu chuyện. Thể hiện thái độ, tình cảm và sử dụng các từ gợi cảm của bản thân về màu sắc, hình dáng.....của tác phẩm tạo hình (Sản phẩm tạo hình của bé; Triển lãm tranh; Góc trang trí của bé...) - Giữ gìn sản phẩm tạo ra		
Hoạt động học: - Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ (các bài hát trong chủ đề theo từng độ tuổi, các trò chơi âm nhạc, hát xướng âm..) - Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức: + Dạy vận động: Vỗ tay theo tiết tấu; múa minh họa		

97	MT97	2.4. Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	<ul style="list-style-type: none"> + Trò chơi âm nhạc + Vận động minh họa theo bản nhạc
98	MT98	2.5. Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo ra âm thanh có tính nhạc từ các nguyên liệu theo cách thức khác nhau (sỏi cho vai chai để lắc; thổi kèn, gõ bát..) - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
99	MT99	2.6. Làm lõm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	<ul style="list-style-type: none"> - Vận động sáng tạo theo cảm nhận của bản thân. - Biểu diễn văn nghệ theo chủ đề
100	MT100	2.7. Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	<p>Phối hợp các nguyên liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngồi đúng tư vẽ, sử dụng đúng cách cầm bút vẽ. - Sử dụng các kỹ năng vẽ các nét để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước,
101	MT101	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	<p>Sử dụng các kỹ năng xé, cắt, dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, bố cục</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ chơi và làm mềm đất. - Làm lõm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết. <p>Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng: Nhận xét sản phẩm của mình, của bạn.</p> <p>Hoạt động khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ (các bài hát trong chủ đề theo từng độ tuổi, các trò chơi âm nhạc, hát xướng âm..) - Lựa chọn và sử dụng các vật liệu để xếp các công trình có cấu trúc phức tạp: <p>+ Xếp các khối gỗ, nhựa thành ngôi nhà 2,3 tầng.</p>

			+ Xếp các hình học. Xếp que tính...
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)			
102	MT102	3.1. Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	Hoạt động học: Lựa chọn, sử dụng dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình Trẻ đặt tên cho sản phẩm tạo hình Hoạt động khác: Trẻ tự lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc - Trẻ đánh giá, nhận xét sản phẩm và đặt tên cho sản phẩm
103	MT103	3.2. Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	
104	MT104	3.3. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	
105	MT105	3.4. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	



KHÔI TRƯỞNG

Đương Thị Mùa